

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HƯNG YÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 51/2023/HNGĐ-ST

Ngày 29/5/2023

“V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trung Thực.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Đinh Thị Hương và bà Phạm Thị Lan.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 17/2023/TLST - HNGĐ ngày 02/3/2023 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trương Công Th., sinh năm 1997; trú tại: Số 262 đường P.B.H, phường L.S, thành phố H.Y, tỉnh Hưng Yên.

2. Bị đơn: Chị Phạm Thị Ngọc M., sinh năm 2000; trú tại: Thôn K.B, xã V.D, huyện A.T, tỉnh Hưng Yên.

Hiện cư trú tại: 201 Seokjeong - ro Michuhol - gu Incheon (Hàn Quốc).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Cháu Trương Minh Đ., sinh ngày 02/12/2018 (người giám hộ cho cháu Đ. là anh Th. và chị M. bố mẹ đẻ của cháu).

4. Người làm chứng:

- Bà Nguyễn Thị G., sinh năm 1960; trú tại: Thôn K.B, xã V.D, huyện A.T, tỉnh Hưng Yên.

- Bà Đào Thị Phương L., sinh năm 1977; trú tại: Số 262 P.B.H, phường L.S, thành phố H.Y, tỉnh Hưng Yên.

(Các đương sự và người làm chứng đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Trương Công Th. trình bày:

Anh và chị Phạm Thị Ngọc M. kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Hiến Nam, thành phố H.Y, tỉnh Hưng Yên vào ngày 16/5/2018. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau tại gia đình nhà bố, mẹ đẻ anh ở phường Hiến Nam, thành phố H.Y, tỉnh Hưng Yên. Hai vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị M. không hòa hợp, có lời nói vô lễ với bố mẹ anh. Đầu năm 2019, chị M. bỏ về nhà bố mẹ đẻ là ông Phạm Văn Chắt, sinh năm 1963 và bà Nguyễn Thị G., sinh năm 1960 tại thôn K.B, xã V.D, huyện A.T, tỉnh Hưng Yên để sinh sống. Sau đó anh được biết chị M. đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc. Anh và chị M. sống ly thân và không liên lạc với nhau từ năm 2019 cho đến nay. Cả hai anh chị đều không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, việc của ai người đó làm. Nay anh xác định không còn tình cảm với chị M. nên đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh được ly hôn.

Bị đơn chị Phạm Thị Ngọc M. trình bày: Chị và anh Th. có thời gian tìm hiểu và đi đến kết hôn năm 2018. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh trục trặc. Nguyên nhân xuất phát do vợ chồng không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Năm 2019, chị đi Hàn Quốc lao động, từ đó hai vợ chồng không liên lạc, mỗi người tự lo cho cuộc sống riêng của mình. Vợ chồng anh chị sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay, hai bên không còn quan tâm chia sẻ với nhau. Chị xác định vợ chồng không còn tình cảm nên đồng ý ly hôn với anh Th..

Về con chung: Anh Th. và chị M. trình bày thống nhất vợ chồng có một con chung là cháu Trương Minh Đ., sinh ngày 02/12/2018; hiện cháu đang sống cùng với anh Th. và ông bà nội. Nếu vợ chồng ly hôn, anh Th. đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Đ. và không yêu cầu chị M. phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị M. đồng ý với quan điểm của anh Th..

Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng đất nông nghiệp: Hai anh chị xác định vợ chồng không có nên không đề nghị tòa án giải quyết.

Chị M. ủy quyền cho mẹ là bà Nguyễn Thị G. nhận các giấy tờ, tài liệu mà Tòa án gửi cho chị. Vì lý do công việc chị không thể về Việt Nam được nên chị đề nghị được giải quyết vắng mặt.

Ủy ban nhân dân phường Hiến Nam cung cấp: Anh Trương Công Th. và chị Phạm Thị Ngọc M. có đăng ký kết hôn tại UBND phường Hiến Nam, thành phố H.Y, tỉnh Hưng Yên vào ngày 16/5/2018 theo đúng quy định của pháp luật. Hai vợ chồng có một con chung là cháu Trương Minh Đ..

Những người làm chứng trình bày:

- Bà Đào Thị Phương L. mẹ đẻ anh Th.: Con trai bà là anh Trương Công Th. có kết hôn với chị Phạm Thị Ngọc M.. Hai cháu có thời gian tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Hiến Nam vào ngày 16/5/2018. Hai vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian đến năm 2019 chị M. đi lao động tại Hàn Quốc. Vợ chồng có một con chung là cháu Trương Minh Đ., sinh ngày 02/12/2018; hiện cháu đang sống cùng với gia đình bà và anh Th.. Mâu thuẫn của hai anh chị thế nào thì bà không được biết. Nay anh Th. có đơn xin ly hôn chị M., gia đình bà không có ý kiến gì vì đây là việc riêng của hai anh chị tự quyết định. Anh Th., chị M. không có tài sản chung, không liên quan đến tài sản của gia đình bà.

- Bà Nguyễn Thị G.: Con gái bà là chị Phạm Thị Ngọc M. có kết hôn với anh Trương Công Th.. Hai anh chị có thời gian tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại UBND phường Hiến Nam theo quy định của pháp luật. Năm 2019 chị M. đi lao động tại Hàn Quốc. Về việc anh Th. có đơn xin ly hôn chị M. gia đình bà không có ý kiến gì. Vợ chồng anh Th., chị M. không có tài sản chung, công sức và không liên quan đến tài sản của gia đình bà.

Trong thời gian chị M. chưa về Việt Nam, bà sẽ thay chị M. nhận các giấy tờ, tài liệu mà Tòa án gửi cho chị. Vì lý do công việc nên bà đề nghị xét xử vắng mặt bà.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng đều vắng mặt.

Chủ tọa thay mặt Hội đồng xét xử công bố tóm tắt nội dung vụ án, lời khai của đương sự, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng cũng như các tài liệu khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ, Tòa án đã thực hiện việc thông báo và tổng đạt văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật, nguyên đơn có đơn xin xử vắng mặt nên đề nghị Tòa án xét xử theo thủ tục chung.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của anh Trương Công Th.. Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 228 và Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuyên xử, cho anh Trương Công Th. được ly hôn chị Phạm Thị Ngọc M.; giao anh Th. tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc cháu Trương Minh Đ.; chấp nhận sự tự nguyện của anh Th. không yêu cầu chị M. phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Chị Phạm Thị Ngọc M., đăng ký thường trú tại tỉnh Hưng Yên, hiện đang lao động tại Hàn Quốc. Tại Công văn số 6172/QLXNC - P5 ngày 23/3/2023 của Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ công an xác định: Có trường hợp Phạm Thị Ngọc M., sinh ngày 03/5/2000; Hộ khẩu thường trú: K.B, V.D, A.T, tỉnh Hưng Yên; đã sử dụng hộ chiếu C8774988, để xuất nhập cảnh 03 lần; lần cuối xuất cảnh ngày 09/7/2022 qua cửa khẩu Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Căn cứ quy định tại Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Xác định đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình có yếu tố nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Th., bị đơn chị M. và những người làm chứng là bà L., bà G. đều đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự và người làm chứng theo thủ tục chung.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Quan hệ hôn nhân:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 23/2018 do UBND phường Hiến Nam cấp ngày 16/5/2018 thì quan hệ hôn nhân giữa anh Th. và chị M. là hợp pháp. Tuy nhiên quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn. Mặc dù cả hai cố gắng hòa giải nhưng không thể hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Anh Th., chị M. đã ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng anh chị cắt đứt liên lạc và không quan tâm đến nhau. Nay cả anh Th. và chị M. đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh Th. làm đơn xin ly hôn, chị M. đồng ý. Như vậy, mâu thuẫn giữa anh Th. và chị M. đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho anh Th. được ly hôn chị M. là phù hợp với Điều 51 và 56 luật hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung:

Vợ chồng anh Th. và chị M. có một con chung là cháu Trương Minh Đ., sinh ngày 02/12/2018. Anh Th. có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cháu Đ. và không yêu cầu chị M. phải cấp dưỡng nuôi con. Chị M. đồng ý với ý kiến của anh Th.. Do vậy, để đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng của con chung, nguyện vọng của hai vợ chồng và thực tế cuộc sống hiện nay của

cháu. Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Đ. cho anh Th. chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu Đ. đủ 18 tuổi là phù hợp.

Chấp nhận sự tự nguyện của anh Th. không yêu cầu chị M. phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Th.. Chị M. có quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

[2.3]. Về tài sản chung, công nợ chung, công sức, ruộng canh tác: Anh Th. và chị M. không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Th. phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 229; Điều 238; Điều 273, Điều 479; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 56, Điều 57; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trương Công Th..

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trương Công Th. được ly hôn chị Phạm Thị Ngọc M..

[2]. Về con chung: Giao cháu Trương Minh Đ., sinh ngày 02/12/2018 cho anh Th. trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi đủ 18 (mười tám) tuổi.

Chị M. có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Chấp nhận sự tự nguyện của anh Th. không yêu cầu chị M. phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Th..

Vì lợi ích của con chung, anh Th. và chị M. có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[3]. Về tài sản chung, công nợ chung, công sức, ruộng canh tác: Anh Th., chị M. đều không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4]. Về án phí: Anh Trương Công Th. phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tại Biên lai thu số 0000218 ngày 02/3/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên, anh Th. đã nộp đủ.

[5]. Về quyền kháng cáo: Anh Trương Công Th. được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày; chị Phạm Thị Ngọc M. được quyền kháng cáo trong thời

hạn một tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Cục THADS tỉnh Hưng Yên;
- UBND phường Hiến Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Trung Thực